TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2023
V/v "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thưởng.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về *"tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị K L**, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần V L**, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có mặt; anh L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/4/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị K L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần V L tự tìm hiểu, quen biết và được

gia đình tác hợp, tổ chức lễ cưới vào năm 2018. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2018 ngày 21/9/2018.

Quá trình sống chung, trong khoảng thời gian đầu đời sống vợ chồng không mâu thuẫn gì. Đến năm 2020, thì có phát sinh cự cãi, bất đồng quan điểm. Hai vợ chồng đã nhẫn nhịn để tìm cách hàn gắn vợ chồng. Đến năm 2021, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được, chị và anh L đã sống ly thân cho đến nay. Nay, chị Phan Thị K L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Trần V L.

- Về con chung: Quá trình sống chung, giữa chị L và anh L có 01 con chung là cháu Trần Phan T P, sinh ngày 13/4/2018. Hiện cháu P đang sống cùng anh L. Khi ly hôn, chị L đồng ý giao cháu P cho anh L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn anh Trần V L:**

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L, tuy nhiên anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với ý kiến, yêu cầu của chị L.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Nguyên đơn chị Phan Thị K L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Trần V L.

- Về con chung: Giao cháu Trần Phan T P, sinh ngày 13/4/2018 cho anh L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần V L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Trần V L của chị Trần Thị K L.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung giữa chị L và anh L là cháu Trần Phan T P, sinh ngày 13/4/2018 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Phan Thị K L yêu cầu ly hôn với anh Trần V L và yêu cầu giải quyết về con chung. Anh L có nơi thường trú tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần V L vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L theo quy định nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị K L và anh Trần V L tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình tác hợp, tổ chức lễ cưới vào năm 2018. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2018 ngày 21/9/2018. Như vậy, hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L trình bày, quá trình sống chung, trong khoảng thời gian đầu đời sống vợ chồng không mâu thuẫn gì. Đến năm 2020, thì có phát sinh cự cãi, bất đồng quan điểm. Hai vợ chồng đã nhẫn nhịn để tìm cách hàn gắn vợ chồng. Đến năm 2021, mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được, chị L và anh L đã sống ly thân cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu Tòa án thu thập được, đồng thời đã triệu tập anh Trần V L nhiều lần để hòa giải nhưng anh L không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với trình bày, yêu cầu của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ ý chí của anh L là không muốn hàn gắn tình cảm và mặc nhiên thừa nhận đồng ý ly hôn với chị L. Như vậy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Trần V L của chị Phan Thị K L.

[4]. *Về con chung:* Quá trình sống chung, chị Lụa và anh L có 01 con chung là cháu Trần Phan T P, sinh ngày 13/4/2018, hiện đang sống cùng anh L.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa, nguyên đơn chị L đồng ý giao con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời tại Biên bản ghi lời khai chị Trần Thị Y N, sinh năm 2000 (là em ruột, sống cùng nhà với anh L) vào ngày 14/8/2023 cũng xác định được cháu Trần Phan T P đang sống cùng anh L và gia đình anh L, gia đình có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cháu P. Vì vậy,

cần thiết giao con chung là cháu Trần Phan T P cho anh L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Trần V L không có yêu cầu Tòa án xem xét cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. *Về tài sản chung:* Chị Phan Thị K L trình bày quá trình sống chung chị và anh L không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. *Về nợ chung:* Chị Phan Thị K L khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. *Về án phí:* Chị Phan Thị K L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Chị Phan Thị K L và anh Trần V L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị K L. Cho ly hôn giữa chị Phan Thị K L và anh Trần V L.

2. Về con chung: Giao 01 con chung giữa chị Phan Thị K L và anh Trần V L là cháu Trần Phan T P, sinh ngày 13/4/2018 cho anh Trần V L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phan Thị K L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Phan Thị K L chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Trần Phan T P do anh Trần V L chưa có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Phan Thị K L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020082 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, xem như chị L đã thi hành xong nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị K L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần V L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H;
- Các đương sự:
+ Phan Thị K L;
+ Trần V L.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu